

Bài 155. Kinh Tăng Chi | Chương Sáu pháp | Phẩm Cần Phải Nhớ (tt) | Sư Giác Nguyên giảng 21/01/2019

Xin kính chào đại chúng trong room. Hôm nay thứ Hai, chúng ta sẽ học Kinh 14 của chương Sáu pháp. Hôm qua mình học 6 pháp tu cốt lõi, tinh hoa của Phật pháp. Gọi là cốt lõi, tinh hoa vì pháp tu đó vừa cho mình và vừa cho đời, vừa có từ bi, vừa có trí tuệ.

Chứ người tu mà ăn rồi chỉ biết chánh niệm, trí tuệ, quán chiếu danh sắc, vô ngã, vô thường mà thiếu đi yếu tố từ tâm, vị tha thì chưa được gọi là viên mãn. Mặc dù trong lý tưởng giải thoát rất ráo thì mỗi người tự lo mình hoàn hảo đi rồi mới tính gì tính. Nhưng đó là cách nói rất ráo. Chứ cách nói viên mãn, hoàn bị, cụ túc thì mình tu phải có mình, có người ta.

Các vị tưởng tượng, nếu Đức Bồ Tát ngày xưa không có đại bi, làm sao Ngài thành tựu Phật quả được. Rồi nếu ngài Xá Lợi Phất không có đại bi thì ai là người san định Phật ngôn cho chúng ta hôm nay. San định có nghĩa là thí dụ tạng A Tỳ Đàm, nếu ngài Xá Lợi Phất để nguyên dạng mà Đức Phật đã thuyết giảng ở cõi trời thì nhiều lắm, mình điên luôn, nhưng Ngài làm gọn lại. Rồi đến thế kỷ thứ V thì ngài Anuruddha căn cứ vào bản của ngài Xá Lợi Phất làm gọn lại nữa. Ngài Xá Lợi Phất làm gọn còn 12 cuốn. Trung bình mỗi cuốn 600 trang. Đến phiên ngài Anuruddha thì mình tưởng tượng 600 x 12 cũng hơi nhiều. Thì ngài Anuruddha gom lại còn không tới 100 trang, tính theo khổ giấy A4.

Rõ ràng bên cạnh cái đại trí còn có đại bi thì hôm nay chúng ta mới được ân triêm lợi lạc. Chớ nếu tu hành kiểu trí tuệ máy móc, lo quán chiếu, rồi nhàm chán, rồi xả ly, giải thoát mà không hiểu chúng sanh khác thì không xong.

Thứ hai nữa, khi trí tuệ phát triển đến một mức nào đó, tôi nói trí tuệ giác ngộ nghe, chớ không phải trí tuệ ngoài đời, thì tự nhiên trong ta có cả mình và có cả người. Cho

nên một vị A-la-hán đầu trước khi chứng Đạo là người như thế nào không cần biết, nhưng khi chứng Đạo rồi thì vị La-hán nào cũng có lòng đại bi với chúng sinh.

Cũng giống như người đắc thiền, trước khi họ đắc họ chỉ tập trung ly dục và thiền định. Nhưng khi họ đã đắc thiền rồi thì tự nhiên họ có lòng đại bi với chúng sinh. Rồi khi sanh về Phạm thiên thì Phạm thiên phải có lòng đại bi với chúng sanh. Đặc biệt như vậy. Nói chung, thiện pháp khi tu tập đến một mức độ nhất định nào đó thì nó phải kiêm toàn rất nhiều hạnh lành.

Đây là lý do vì đâu mà trong các hạnh lành bắt buộc phải có ở một người cầu Phật đạo thì trong đó phải có cái thiền định. Trong những tiêu chuẩn bắt buộc để trở thành một vị Bồ Tát, ngay trong lần đầu tiên để được thọ ký thì vị đó phải chứng đắc thiền định và thần thông. Bởi vì chỉ có thiền định và thần thông thì vị này mới phát huy được tận cùng khả năng trí tuệ phàm phu của mình. Đồng thời với thiền định và thần thông, vị này mới có thể phát huy tận cùng khả năng yêu thương chúng sinh.

Bởi vị này thấy được kiếp trước, kiếp sau, thấy được cõi trời, thấy được địa ngục, thấy được cảnh giới siêu và đọa. Thấy được bao nhiêu thứ tâm tình, cảm xúc của muôn loài trong cái hạn chế nào đó của mình, nhưng mà phải có.

Chớ như trong room mình, mình học giáo lý cho vui vậy thôi chớ nói đại bi, đại sao nổi mà đại. Các vị tưởng tượng thương sao được mà thương? Bởi rõ ràng nó chống đối, nó ghét mình, nó mâu thuẫn, xung đột, chống trái với mình mà bây giờ thương là thương cái gì. Mình thương nó hóa ra nhận giặc làm cha à? Sao mà thương? Ngu! Nhẫn là nhục! Đó, cách nghĩ của mình là như vậy.

Nhưng với người “hiếu chuyện” thì không. Họ coi tất cả chỉ là những giọt nước trong đại dương, trong đó có mình. Cho nên mình có phát triển, mình có thành tựu cái giống gì đi nữa thì tất cả chỉ là những giọt nước trong đại dương, trong một biển lớn của vạn hữu. Hiếu như vậy tự nhiên nó mới có lòng đại bi. Và trí tuệ đến mức đó mới là trí tuệ xài được.

Tiếp theo chúng ta học Kinh 14.

Bài kinh 14: Hiền thiện

Bài Kinh 14 này có một nội dung rất lạ, mà nếu mình hiểu được thì không có gì lạ, mà cực kỳ thân quen.

Ngài Xá Lợi Phất dạy rằng: Một người cạo đầu đắp y, cả đời sống vui mình trong Phật pháp, chưa chắc vị nào trong số đó cũng có một cái thiện chung, tiếng Hán nghĩa là cái chết đẹp, kết thúc đẹp. Vì sao?

1. Vị tỳ kheo không có thiện chung nếu tham công tiếc việc

Vị tỳ kheo cạo đầu đắp y, sống trong tăng viện chung với đoàn thể tỳ kheo, nhưng vấn đề là tất cả cái đó chỉ là hình thức thôi. Cạo đầu, đắp y, mỗi ngày khất thực, tiếp xúc với cư sĩ, xây dựng, kiến tạo chùa miếu, đạo tràng, quay phim chụp hình thì quá đẹp. Đẹp trên hình ảnh, hình thức, nhưng về giá trị nội hàm của mỗi tỳ kheo thì còn phải xét lại.

Ngài Xá Lợi Phất nói rất rõ là chưa chắc một tỳ kheo có hình thức tu hành ngó ngon lành mà có một kết thúc đẹp, có một cái “thiện chung”, nếu vị tỳ kheo ấy quá “tham công tiếc việc”, tức là có những mối bận tâm ra khỏi nhu cầu sinh hoạt tối yếu của một tỳ kheo.

Tôi nói rất chậm và từng chữ rất rõ: “Vị ấy có sinh hoạt nằm ngoài nhu cầu tối yếu của một tỳ kheo.” “Tối yếu” nghĩa là “rất cần”.

“Nhu cầu tối yếu” là sao? Là ngoài chuyện sinh hoạt cá nhân, ngoài cái trách nhiệm trực tiếp, chữ “trực tiếp” đây viết bằng mực đỏ, có gạch dưới, như ăn uống, vệ sinh cá nhân, giữ sạch cơ thể, và những phận sự trực tiếp như mình ở chùa mình được chư tăng giao cái gì: giao chuyện chăm sóc hội trường, nhà bếp, nhà tắm, quét dọn hoặc chăm sóc người bệnh gì đó.

Nói chung là một trách nhiệm gì đó lớn bé, nặng nhẹ đối với đoàn thể, nơi chốn mình đang ở. Hoặc trách nhiệm hơi tâm linh một chút là dạy học cho các vị sư nhỏ, trẻ, các vị tân sư, hoặc là hướng dẫn tinh thần cho cư sĩ. Thì một vài việc trong số đó chứ không thể nào mình cáng đáng hết, bao biện hết, ôm đồm mọi sự, để rồi trên hình thức quay phim chụp hình thì rất là đẹp, nhưng trong thâm tâm thì mình rất bận rộn, mình không có thì giờ để tu chỉ, tu quán.

Còn cái giới, tôi đã nói 1.000 lần rồi, không phạm giới chưa chắc là giữ giới. Lo lu bu lu bu như vậy thì cả đời giới, định, tuệ không có, bị lo tham công tiếc việc, lo liên lạc đầu này, alo đầu kia xây dựng, thầy thợ, xi măng, sắt, đá.

Kết thì phải làm, thí dụ công trình kéo dài 6 tháng, 1 năm thì coi như nói thẳng luôn là mình đã bậy rồi. Đúng ra cái đó giao được cho cư sĩ thì giao.

Mình là người xuất gia, mình chỉ nên cáng đáng cái gì mà người cư sĩ không làm được.

Còn sẵn đây tôi mượn cái này tôi nói luôn. Có những người không biết là ác ý hay thiện chí mà chống đối cái việc chúng tôi kêu gọi tiền bạc. Họ không chịu nghiên cứu, dòm ngó kỹ chỗ này.

Có hai trường hợp kêu gọi. Tôi kêu gọi để làm cái chùa cho tôi làm trụ trì, và khi kêu gọi như vậy bao nhiêu tiền bạc gửi hết về cho tôi. Cái đó là chuyện không nên.

Nhưng trường hợp này, tôi biết rằng tôi có chút hy vọng có thể lên tiếng kêu gọi bà con. Bà con đem về rồi các đại diện giữ, rồi các đại diện làm việc với chư tăng Miến Điện. Giao dịch với chủ đất là chư tăng Miến Điện chứ không phải tôi. Giao dịch với thầy thợ xây dựng là các vị Miến Điện chứ không phải tôi. Tôi chỉ có cái miệng thôi.

Nay mai đủ rồi thì các đại diện sẽ có cuộc họp mặt nhau online, rồi các vị trực tiếp làm việc với hai vị Sayadaw. Tức là ngài hiệu trưởng trường Tam Tạng Mandalay với

ngài Sayadaw bên trung tâm Mogok bên London. Thì hai vị đó sẽ làm việc với các đại diện. Chớ riêng tôi, tôi không có ăn chia, đụng chạm gì trong đó hết.

Tôi vẫn tiếp tục giảng Kinh cho các vị. Tôi vẫn tiếp tục viết sách, vẫn tiếp tục chỉnh sửa các bài giảng để mình in trong năm 2019. Nếu mà tôi lu bu như mấy vị khác thì tôi đã không làm chừng đó việc.

Chẳng hạn sáng hôm nay, trước buổi giảng cho các vị, là tôi đã phải online với bên châu Âu để sửa lại bản Tương Ưng mà tôi tin là nó sẽ ra vào dịp Phật Đản.

Sẵn đây tôi nói luôn, cái bản chép lại của cô Nhị Tường đó là một công lớn, công khó, công đức rất lớn. Nhưng vì cố quá trung thực, đôi khi có do sơ ý, do chép tay đôi khi mệt mỏi vì quá nhiều năm, nhiều tháng, chắc chắn có nhiều chỗ sơ suất, cho nên khi quyển được chúng tôi chỉnh sửa lại thì bà con sẽ thấy gần như một quyển sách mới.

Dĩ nhiên chúng tôi phải trung thực với những gì mình giảng oral. Nhưng các vị sẽ ngạc nhiên là trong đó có những điểm quan trọng mà chúng tôi chỉnh sửa. Chẳng hạn Pali là chỉnh sửa 100%, và những câu cú trong đó vẫn trung thực với văn nói nhưng chỉnh sửa rất là nhiều. Mạnh dạn cắt bỏ rất nhiều chỗ. Chuyện đó rất là mệt.

Sẵn đây đã nói thì phải nói luôn, mình đang nói đề tài tham công tiếc việc mà. Thì tôi chỉ tập trung cái việc mà cư sĩ không làm được.

Thí dụ như tôi sẽ cho ra hai quyển. Một quyển “Tâm thức gió lửa”, quyển đó tôi đề cập đến tất cả những thao thức, trăn trở, những ray rứt của một người đi tìm Đạo. Thí dụ như cách nào để tiếp cận Kinh Tạng một cách hiệu quả nhất. Rồi một người Phật tử thiết tha học giáo lý mà quá bận rộn thì phải làm sao, trí nhớ kém quá phải làm sao, hiểu chậm quá phải làm sao. Rồi vì sao mình chọn truyền thống A mà không theo truyền thống B. Và thái độ cần có của một hành giả khi đi theo truyền thống Vipassana ở Thái, Miến, Việt, Tích, Miên, Lào. Rồi tất cả những tâm tình khó nói của

một người học Đạo, hành Đạo và tầm Đạo. Tất cả những cái đó tôi đưa vào quyển “Tâm thức gió lửa”, tức là “Chuyện phiếm thầy tu” 2.

Một quyển nữa, nhiều bà con ác cảm với tôi, chửi rủa không ngừng, nhưng tôi vẫn xem như họ chết rồi để tôi giới thiệu cái quyển “Đò xuôi sơn hạ”.

Trong quyển này tôi hơi đại ngôn, bạo ngôn khi nói rằng đây chính là công trình đầu tiên của người Việt Nam, nói gì là của Phật giáo Việt Nam, nó càng là công trình đầu tiên.

Đầu tiên là sao? Là chúng tôi đem những vấn đề giáo lý mà tôi xem là quan trọng bậc nhất trình bày bằng cách bình giảng từng bài thơ một của chúng tôi. Bà con tưởng những bài thơ đó là thơ tình, nhưng mà không. Mượn lời đó để chúng tôi bình giảng những vấn đề giáo lý.

Bà con thắc mắc: “Tại sao Sư không viết hẳn giáo lý mà phải mượn cái đó?”

Dạ con thưa với các bố, nếu mà con trực tiếp con viết 24 duyên hệ, 12 duyên khởi, Bốn Đế, 37 Bồ đề phần thì có bố nào mà không chạy mất dép.

Tôi đã có nghe ngóng, và chính tôi đã cầm quyển của ngài Thanh tôi đã khóc ròng rồi. Hay vô cùng! Tôi quý sách ngài Thanh như là kim cương tôi đội trên đầu nè. Mà tôi nói thiệt, tôi mê Kinh còn hơn người ta mê tiền, mê gái, mê rượu nữa. Mà có điều tôi đọc tôi xanh mặt, tôi đọc tôi điếc con ráy luôn.

Cho nên tôi phải nghĩ đến chuyện làm sao cho bà con đọc nhẹ nhàng như bà con đọc Kim Dung. Và rất nhiều người Việt Nam ngày xưa đọc Kim Dung không nổi vì nó dày quá. Thế là họ phải đọc Kim Dung thông qua Đỗ Long Vân, qua Bùi Giáng. Như “Kim kiếm điêu linh” chẳng hạn, họ đọc qua bản dịch Bùi Giáng, thí dụ vậy. Hoặc Đỗ Long Vân viết về “Trương Vô Kỵ giữa chúng ta”. Như vậy thì có nhiều khi chúng ta đọc Kiều thông qua Bùi Kỳ, Đào Duy Anh. Có nhiều khi chúng ta đọc Kiều theo

cái giọng cà rờn trong bản tiếng Pháp của Crayssac, chẳng hạn như vậy. Bắt buộc có đôi lúc phải như vậy.

Chớ còn pha đậm đặc thì bà con chỉ có le lưỡi. Đó là lý do vì đâu ở Việt Nam có hai trường phái uống trà. Trường phái một là pha đậm đặc, rót ra chén bát trâu, uống vào xịt khói, chát rách lưỡi. Trường phái hai rất mê trà nhưng không có cái gan của một tay trà tượng. Thế là bèn liệng vào đấy vài cục nước đá để làm tan loãng vị đắng, để có thể dẫn thân vào cỏi chát của trà, nhe!

Thì ở đây, trong cái quyển gọi là “Đò xuôi sơn hạ”, tôi sẽ chuyển tải Phật pháp qua một con đò trắng. Phật pháp được chuyển tải qua bên kia bờ mê cho quý vị trên một con đò trắng, với mái chèo của một tay lãng tử đầu trọc bóng loáng dưới ánh trăng đêm.

Bà con sẽ không có gì trách tôi vì đâu dám chở Đạo qua sông trên một con đò có vẻ hơi trữ tình như vậy. Nhưng xin thưa, vì có quá nhiều kẻ đa tình bên cỏi mê muốn về bờ Giác thì kẻ hèn này đành làm một kẻ lái đò đa tình vậy.

Bây giờ mình phải trở lại bài giảng.

Ngài Xá Lợi Phất, ngài nói cạo đầu đắp y, sống đời khép mình trong bốn bức tường của tăng viện, giữa một đoàn thể tăng chúng thanh tịnh, thì chưa chắc là có một thiện chung, một cái chết ok.

Vì đâu nên nổi? Lý do là vì cả đời anh cứ vùi đầu vào bao nhiêu thứ công việc, bày ra đủ trò: xây dựng, kiến trúc, trang trí, trồng trọt, rồi ruộng rẫy, rồi thu nhập, rồi quen biết chính quyền, văn nghệ sĩ tùm lum hết, trên danh nghĩa hỗ trợ cho nhịp bước hoằng dương. Nhưng có một điều ai ăn thì không biết, riêng anh là anh đổ vỏ cho bằng hết.

Đây là lý do đầu tiên mà ngài Xá Lợi Phất nói một vị tỳ kheo tham công tiếc việc thì sẽ không còn thời.

Có nghĩa là vị tỳ kheo chỉ nên tập trung cho cái gì? Thứ nhất là chuyện chuyên tu nội tâm. Thứ hai là những trách nhiệm thật sự tối yếu, quan trọng đến Tăng đoàn, đến tập thể mà mình đang góp mặt; những trách nhiệm trực tiếp không có không được, không có là chết liền thì mình mới làm. Còn cái gì giao cho cư sĩ được thì nên giao cho cư sĩ, để vị tỳ kheo có thể chuyên tâm hơn.

Ngay cả trong Kinh Đại Bát Niết Bàn, khi ngài A Nan hỏi Thế Tôn: “Chúng con phải xử trí ra sao với báo thân Thế Tôn sau khi Ngài viên tịch?”, thì Thế Tôn dạy rất rõ: “Này A Nan, chuyện ấy hãy để cho hàng cư sĩ. Trách nhiệm duy nhất của các người chính là tu học, hành trì và hoằng dương 37 phẩm Bồ đề”.

2. Vị tỳ kheo thích nói, thích tiếp xúc cư sĩ

Thứ hai, một tỳ kheo cạo đầu đắp y, sống đời khép mình thanh tịnh, xuất trần, nhưng lại có thói quen thích trò chuyện, thích nói nhiều, thì cũng lại là cái đại nạn, cái thảm họa cho đời tu. Bởi vì có nhiều vị không nói thì buồn, phải có người để họ trao gửi, trao trút tâm tình, chớ không nó cô đơn lắm. Không nói nó bế bụng, hơi nó ra không hết. Nỗi niềm tâm sự, cảm xúc mà không trao ra hết sợ bị vỡ tim. Đấy! Biết nhiều không nói thì bị vỡ óc. Vì sợ mấy cái “vỡ” này mà cuối cùng ổng làm cuộc đời tu ổng bị đổ vỡ.

Cho nên vị tỳ kheo chỉ nói cái gì thật sự cần thiết, thật sự cốt tử, thật sự tối yếu. Chớ mở miệng ra, nếu không phải là “nhất tự thiên kim, nhất tự như sơn” thì vị tỳ kheo không nói.

Kinh nói: “Một người có tâm hồn giải thoát thì nói năng phải như tiếng gầm của sư tử”.

Sư tử không tối ngày lít cha lít chít như chim sẻ, không kêu như gà như vịt, không kêu như sóc như chuột, mà sư tử chỉ lên tiếng khi cần thiết. Pali gọi là sư tử hống, “Sīhanāda”. Mình sẽ học một bài kinh sắp tới đây nói về vụ đó.

Người tu im lặng nhưng “mặc như lôi” — im lặng nhưng lên tiếng thì phải như sấm sét; “mặc” là im lặng. Đó chính là cách phát biểu của người tu: im lặng sấm sét. Có nghĩa là im lặng, nhưng khi mở miệng ra là phải long trời lở đất. Mở miệng ra là chúng nó phải râm óc, phải suy nghĩ. Mở miệng ra là phải lợi ích cho chúng sinh. “Mặc như lôi” là như vậy.

Chớ còn mình cứ tối ngày tìm chỗ trao gửi tâm sự, thì nói thẳng ra luôn: cái tâm sự là một, cô đơn là hai, tri kỷ là ba; đó là những khái niệm tầm bậy nhất mà nhân loại có thể nghĩ ra. Bởi vì ai trên đời này mà không cô đơn. Có ai hiểu được ai đâu. Mỗi người hiểu bản thân còn chưa xong thì hiểu được ai. Làm gì có tri kỷ. Mà không có tri kỷ thì làm gì có tâm sự.

Đừng tưởng tâm sự là trút ra cho lòng nó nhẹ hơn, đó là cảm xúc tự lừa dối. Trút ra rồi nó xách đi tuyên truyền trên mạng, nó post tùm lum, lúc đó nhảy lều không kịp, thắt cổ không đủ dây. Nhớ nhé! Đừng lúc thương nhau, tin nhau, trao nhau bí mật. Lúc xa nhau rồi, khai quật nhau ra. Đó là cái công thức bùa chú bà con trên mạng phải nhớ.

Cho nên ngoài đời còn không dễ dàng hé môi mở miệng, thì nói chỉ người tu hành vốn dĩ không có thời gian. Và xin nói thiệt là cũng chẳng có ai mà có thể hiểu được mình đâu, nói ra làm cái giống gì mất thời gian cho đôi bên, nhé! Riêng bản thân mình cứ tưởng nói ra là nhẹ, nhưng thật ra nó lại rước vào cái khác nặng hơn nữa. Thôi thì cứ theo cái hạnh tu nguêu, sò, ốc, hến, im lặng một đời, vậy mà cho nó lành.

Cho nên vị tỳ kheo mà khoái trao gửi tâm sự, trò chuyện, là chỉ có chuốc họa mà thôi.

3. Vị tỳ kheo thích ngủ nghỉ

Thứ ba là vị tỳ kheo trong hình thức tu hành ngon lành, cạo đầu đắp y, nhưng lại khoái an dưỡng, ngủ nghỉ. Thích nằm im thiêm thiếp, thiêm thiếp phe phẩy cái quạt giữa một buổi trưa oi bức. Hoặc một đêm tối mùa đông, thích nằm ngủ dầm, ngủ nướng cho nó giòn, thì đó là một cái họa của người tu.

Người tu phải luôn luôn nhớ rằng cái chết có thể đến với mình bất cứ lúc nào. Một câu nói nghe rất là sáo ngữ, nhưng đó là một sự thật. Một sự thật mà người đời một trăm người chưa được biết nghĩ tới chuyện đó, tức là trong cái sống nghĩ đến cái chết: “Cư an tư nguy”. Tức là sống trong sự thanh thản, bình yên, phải nghĩ đến lúc có sự cố, sự kiện, thì mình mới luôn luôn kịp thời có những cảnh giác, có những phản vệ cần thiết, kịp lúc, đúng chỗ. Chớ còn “cư an” mà không nghĩ đến cái “tư nguy” thì không xong.

Tuổi trẻ phải nghĩ đến tuổi già. Khỏe nghĩ đến lúc bệnh. Sống nghĩ đến lúc chết. Bình yên phải nghĩ đến lúc xáo trộn, có sự cố. Bởi vì thiếu khả năng cảnh giác này thì chúng ta đã mất đi một phần khả năng của một con người.

Ngay cả loài dã thú, thú hoang trong rừng, nó ngủ, nó đi, nó ăn cỏ, nó đi dạo, nằm ngủ phe phẩy đuôi, mắt lim dim, chớ đừng tưởng là chàng mất cảnh giác mà nhào tới là lãnh theo. Sư tử nó nằm ngủ kiểu của sư tử. Ngay cả con mèo mình nuôi ở nhà, mình thấy nó lim dim, mà đổ bố chuột nào lai vãng trong phạm vi 11m50 mà an toàn.

Hành giả cũng vậy, luôn luôn sống trong tình trạng tỉnh thức. Một thì nằm ngủ, cái đó đúng, nhưng luôn luôn trong tình trạng tỉnh giác tối thiểu. Nhớ cái đó.

Rồi một vị tỳ kheo thích ngủ nghỉ, thích an dưỡng, thì coi như vị ấy không có thì giờ làm ba việc sau đây:

Thứ nhất, vị đó không có cơ hội thấy rằng thân tâm này đang chìm trong khổ, nói về quả.

Thứ hai, không thấy là tâm này liên tục bị phiền não chi phối, nói về nhân.

Thứ ba, khi an dưỡng, ngủ nghỉ, vị này không còn nhớ việc phải làm.

Nhớ ba chuyện đó. Một người mà thích an dưỡng, ngủ nghỉ; một người thích nói năng nhiều; một người tham công tiếc việc; một người nói chung có quá nhiều

chuyện để làm xao lãng chuyện tu hành; người không dốc sức dồn thời gian cho chuyện tu học, thì vị ấy mắc vào ba cái này:

Một là không cảnh giác được với nhân xấu, có nghĩa là phiền não.

Hai là không ý thức được mình luôn sống trong quả xấu.

Ba là không biết, không nhớ được chuyện mình phải làm là gì.

Một đời sống có trí tuệ là gì? Là luôn ý thức rõ khía cạnh nhân và quả. Nhân là luôn luôn ý thức rằng phiền não chực chờ để trời đầu ló dạng. Thứ hai là ta thường trực sống trong quả xấu.

Tôi biết nhiều người trong room rất ngạc nhiên tại sao có câu này, hỏi: “Tại sao mà ta thường xuyên sống trong quả xấu?”. Tôi hỏi các vị nhé: 24 giờ đồng hồ, tâm lành với tâm ác, cái nào nhiều? Tự trả lời, không cần trả lời với tôi. Tự hỏi lòng mình đi, 24 giờ đồng hồ thì tâm lành với tâm xấu, tâm nào nhiều? Mà kiếp này mình biết Đạo.

Còn những kiếp mà mình không có biết đạo thì sao ta? Bây giờ là thờ Phật trên đầu mà ác nhiều hơn thiện không biết bao nhiêu lần, thì những kiếp mà không có Phật trên đầu mình thì mình ác cỡ nào.

Chính vì lẽ đó cho nên hôm nay mình sanh ra, mình có giàu cách mấy, có giỏi cách mấy, có đẹp cách mấy, nhưng nếu mà mình lắng tâm ngồi yên lại xem: thân thể mình, cái giây phút mà được thoải mái được bao nhiêu phần trăm thời gian? Còn cái tâm mình nó chộn rộn, nó ray rứt, âu lo, bồn chồn là bao nhiêu phần trăm thời gian trong một ngày?

Chỉ có người chánh niệm họ mới hiểu cái này thôi. Còn sống lăng xăng như một con khỉ, tâm viên ý mã, thì làm sao chúng ta có được cơ hội thấy ra hai cái này. Không có chánh niệm, không thấy được rằng mình luôn sống với nhân xấu và quả xấu. Nhân xấu nghĩa là phiền não liên tục, thường trực. Còn quả xấu là mình luôn luôn sống trong nỗi khổ niềm đau mà mình không biết.

Thứ ba, chính vì mình không có ý thức về nhân xấu quả xấu, cho nên mình cũng quên mất cái chuyện mình phải làm gì trong từng phút giây hiện tiền. Đây là lý do vì đâu mà ngài Xá Lợi Phất nói: cạo đầu đắp y là một tỳ-kheo chưa chắc có thiện chung, chưa chắc có một kết thúc đẹp, chưa chắc có một cái chết đáng ngưỡng mộ.

Tại sao tôi xài chữ “đáng ngưỡng mộ”? Tại vì bản thân tôi trong đời tu 40 năm làm thầy chùa, tôi có thấy một vài cái chết, thấy tận mắt, có. Rồi nghe kể lại từ những nguồn tin đáng tin nhiệm cũng có. Đó là có những người tinh táo cho đến khi tắt thở. Có những người biết trước sự ra đi của mình. Có những người cho đến lúc cận tử không hề có thái độ sợ hãi hay tiếc nuối, lưu luyến, và có sự thanh thản của một người đã là có chuẩn bị từ trước.

Đây là tôi gọi là cái chết đáng ngưỡng mộ, cái chết đáng “ghen tị”. Cái chữ “ghen tị” xài đây nó hơi kỳ, nhưng tôi rất muốn dùng chữ ghen tị, có nghĩa là: tại sao anh chết đẹp quá vậy? Sao anh chết hay ho quá vậy, một cái chết quá lý tưởng như vậy?

Ước gì mai này tôi cũng sẽ ra đi như anh. Và hôm nay trong cái đạo tràng, trước mặt bà con, trước mặt Long thần Hộ pháp và có Tam bảo trên cao, tôi vẫn phải có một câu đại nguyện là: “Con là Toại Khanh không mong được trường thọ, mà con chỉ mong là con có thể ra đi trong giây phút nào đó đẹp nhất, có chuẩn bị, một giây phút thanh thản nhất.”

Năm nay 50, tôi có thể đi năm 54, 52, 61 được hết. Miễn là được đi trong giây phút với tâm thái, tâm trạng, tâm cảm rất tinh táo, rất là thanh thản. Đang thuyết pháp vui vẻ, tự nhiên nghe nó lói một phát, gục xuống đi luôn. Chỉ mong cái đó thôi, chớ còn nói rằng mong trường thọ, tôi nói rằng tôi không mong trường thọ thì bà con không có tin. Tôi nói câu sau thì bà con tin.

Trường thọ để làm gì? Tiêu tiêu cây trét, hôi hám, khổ mình khổ người, ra đi trong sự đau đớn, ray rứt, sợ hãi, tiếc nuối, thì xin hỏi vậy chớ 90, 98 làm cái gì? Trong khi đó

tôi năm mươi ba, năm mươi hai, sáu mươi mốt mà tôi đi đẹp vô cùng. Ai nghe nói cũng trầm trồ, tấm tắc: cái chết như vậy rất là nên.

Tức là tôi muốn tôi giảng vừa xong, tôi mới cầm chai nước tôi hớp, chưa kịp hớp thì nó đi luôn. Có cái chết như vậy. Nó nhanh đến mức mà tôi chưa kịp nhăn mày nhú mặt là tôi đã đi rồi. Trước khi đi mình đã làm một việc lành cuối đời là cái mic nó còn hơi ấm của bàn tay. Tay chưa rời mic là đã gục xuống, tay cầm mic, một tay ôm ngực là đi luôn. Tôi thêm được chết vì cái bệnh tim đó, quý vị biết không? Cái chết êm, không mùi, không màu...

Cho nên chuyện ngài Xá Lợi Phất nói: đừng tưởng cạo đầu đắp y, sống đời tăng sĩ mà ok. Vấn đề là anh sống kiểu gì. Về hình thức chưa đủ, mà anh sống kiểu gì, cái tinh thần nó mới quan trọng.

Anh là người tham công tiếc việc. Anh khoái nói quá. Anh khoái ngủ nghỉ, an dưỡng quá. Trong đây nói rõ nè: ưa thích hội chúng, là thích đàn đúm đông đảo, chứ một mình cô đơn chịu không nổi. Thôi cái này tôi không giảng nhiều, bởi bà con biết.

Ưa thích ngủ nghỉ, ưa thích đám đông. Rồi thích giao thiệp, xã giao. Alo đầu này, alo đầu kia, quen biết càng nhiều thì càng vui, nhất là tai to mặt lớn, đại gia, thân hào nhân sĩ gì đó thì khoái lắm. Cái đó được xem là thích giao thiệp, thích xã giao, thích ngoại giao là không có tốt.

Cuối cùng là thích hý luận. Là thích những đề tài coi như không có lợi ích, không quan trọng, không cần thiết cho lý tưởng giải thoát. Hý luận trong đây là “papañca”, là đời sống mà liên hệ đến ái, mạn, kiến là hý luận. Bà con ghi dùm tôi cái này. Nhờ cô Giọt Mưa đưa cái đoạn Pali dùm. Kinh (...sutta). Trong đây có nhiều cái hay lắm.

Thí dụ nói:

Thích giao thiệp là gì? Đoạn Pali:

Dassana: nhìn, thấy nhau bằng mắt, thích tiếp xúc với người khác phái.

Savana: nghe nhau nói.

Samullana: trò chuyện với nhau bằng miệng.

Sambhoga: kề cận, gần gũi nhau, sống gần, gần gũi với nhau.

Karakansacga: tiếp xúc tay chân với nhau. Tới đây coi như chạy chùa rồi.

Như vậy chữ “sangasacga” là giao tiếp. Ở đây kể có bao nhiêu việc như trên: là thấy nhau bằng mắt, nghe nhau bằng lỗ tai, trò chuyện với nhau bằng miệng, sống gần, gần gũi với nhau, rồi cuối cùng là tiếp xúc tay chân với nhau, “karakansacga”. Là tất cả những kiểu thích giao tiếp với cư sĩ.

Rồi “papañca”, chữ “hý luận” ở đây có nghĩa là mình thường xuyên sống trong tâm trạng mà liên hệ đến ái, mạn, kiến. Đầu óc mình luôn luôn gắn với những đề tài đó gọi là hý luận.

Mà nó xui một chỗ, tôi đã nói với bà con không biết bao nhiêu lần, không biết trong room còn nhớ hay không. Biết bao nhiêu lần tôi nói các dịch giả Trung Quốc có một khuynh hướng rất là khoa học mà cũng rất phản khoa học.

Khoa học ở chỗ họ có những thẻ chữ, thí dụ như chữ đó có bao nhiêu nghĩa, họ lựa cái nghĩa nào nó có tần suất xuất hiện thường nhất thì lấy cái nghĩa đó treo vô thẻ. Trong dịch trường, chỗ dịch kinh, có rất nhiều vị thì tất cả đều sử dụng đồng thẻ chữ đó hết. Họ nhất trí với nhau, hễ chữ đó thì dùng nghĩa đó.

Thí dụ chữ “papañca”, ở cái nghĩa mà các bộ Luận, ách một chỗ các tay dịch này đều dịch từ Sanskrit hết. A Hàm thì dịch từ bản Sanskrit hoặc từ bản Hybrid, Hybrid Sanskrit. Tây nó còn kêu là cái chữ Buddhist Sanskrit, là Phạn ngữ của Phật giáo. Còn Hybrid Sanskrit là tiếng Phạn hỗn chủng, tức là nó pha các địa phương ngữ ở Ấn Độ, pha trong đó có tiếng Pali, tiếng Sanskrit, tiếng Prakrit. Thì...

Họ dùng cái nghĩa của mấy ngôn ngữ đó nhiều hơn cái nghĩa bên tiếng Pali. Như chữ papanca tiếng Pali không thể nào dịch là “hý luận” hết. Nhưng papanca trong các bộ Luận tiếng Sanskrit thì thường xuyên xuất hiện trong cái nghĩa là “hý luận”.

Hý luận có nghĩa là những đề tài tung hứng vô bổ, nói những chuyện kinh tế, xã hội, chính trị, thời tiết, khí hậu, thổ nhưỡng, địa chất, khoáng sản, bla bla bla... Nhưng trong Kinh điển Pali thì chữ papanca không có nghĩa đó, mà nó có nghĩa: đề tài nào mang nội dung ngăn trở, chướng ngại con đường giải thoát thì gọi là papanca. Lúc này miệng tôi nói “hý luận” mà tôi không có vui, vì cái chữ đó không có đúng chỗ này.

Chữ papanca là những gì trong đầu mình mà nó liên hệ tới ba thứ phiền não căn bản của sanh tử trầm luân, là ái, mạn, kiến. Ái là thích tùm lum. Mạn là luôn luôn có ý niệm hơn, bằng, thua. Kiến đây là dính vào một trong hai thứ: thường kiến và đoạn kiến.

Thường kiến là tin vào một thế giới trường cửu, vĩnh hằng; có một đấng tối cao vĩnh hằng bất tử và một cái tôi vĩnh hằng bất tử. Tin vào một trong ba cái đó: thế giới, đấng tối cao, cái tôi, thì gọi là thường kiến.

Còn đoạn kiến cho rằng chết rồi là hết. Mọi thứ tự nhiên mà có, thay vì mình hiểu mọi thứ tùy duyên, mọi thứ ngẫu nhiên mà có. Sau một thời gian tồn tại, hiện hữu thì biến mất, không để lại dấu vết.

Một nhận thức, một suy nghĩ, một đời sống mà dính với ba cái ái, mạn, kiến như trên thì nó được gọi là đời sống papanca. Ở đây hòa thượng Minh Châu dựa vào bản tiếng Hán trong A-hàm mà hòa thượng dịch papanca là “hý luận” thì ok, trong room này tùy duyên hóa độ nhe. Bây giờ có Google thì các vị vào internet mà tra tìm, tôi chỉ có trách nhiệm hé ra cho bà con biết vì đâu mà có những chữ nghe qua rất là hay mà tôi một mực chống.

Như chữ anussati bữa hôm, thường dịch là “tùy niệm”, là vì họ lấy chữ anu trong bản tiếng Hán, cứ 90% thấy chữ anu đâu là quất chữ “tùy”. Thí dụ như [đoạn Pali] thì dịch là “hành pháp và tùy pháp”, cứ có anu là “tùy”. Papanca dịch “hý luận” là dựa vào bản Hán mà bản Hán lại dựa vào ngữ nghĩa của Sanskrit. Mà trong khi đó nên tùy vào ngữ cảnh mà chúng ta dùng nghĩa nào của từ đó. Đây là một trong những kiến thức cơ bản, sơ đẳng cần có của người nghe, hiểu, đọc và dịch ngoại ngữ. Vậy thì anussati mình phải dịch là “thường niệm”.

Trở lại bài Kinh, ngài Xá Lợi Phất nói một vị tỳ kheo quá tham công tiếc việc, thích nói, thích quần chúng, thích hý luận, thích ngủ nghỉ, vị tỳ kheo như vậy trên hình thức là tu hành nhưng lúc mạng chung rất là khổ.

Trong room nhiều người tưởng lầm này chỉ là chuyện của tỳ kheo. Sai bét! Ngài đang nói cho chư tăng thì ngài nhắc một vị tỳ kheo, nhưng tất thầy phàm phu đều giống nhau y chang. Nghĩa là tất cả phàm phu phải luôn nhớ xem mình đã sử dụng thời gian trong đời, trong một ngày, một tháng, một năm như thế nào. Bởi vì cách sử dụng thời gian nó chính là con đường dẫn mình đi về đâu đó.

Cách ta sử dụng thời gian trong mỗi ngày chính là con đường dẫn ta về đâu đó một cách tương ứng.

Ta sử dụng thời gian như một vị Phạm thiên, luôn sống trong từ bi hỷ xả thì ta sẽ về cõi Phạm thiên. Ta dùng thời gian trong ngày, trong tháng, năm, trong đời để tu tập Niệm xứ, sống như một vị thánh thì nếu đủ duyên ta chứng Thánh. Không đủ duyên thì ta cũng sẽ đi về một nơi chốn nào đó, tiếp tục gặp được minh sư thiện hữu, tu hành giác ngộ.

Còn nếu ta dùng thời gian một đời của mình sống như một con thú, có nghĩa là đói ăn khát uống, nam nữ, đực cái, trống mái tìm nhau và khả năng phản vệ, thì tất cả chỉ dừng lại ở khả năng của một động vật thôi, là loại chúng sanh hạ liệt, hạ đẳng.

Con người mới có một khả năng thứ năm nữa là biết cái gì nên và không nên, biết cái gì phải quấy, tốt xấu, phân biệt thiện ác. Tôi đã nói rồi, chữ manusa có nhiều nghĩa. Về mặt xã hội, manusa có nghĩa là hậu duệ của vua Manu. Về mặt triết học, manusa có nghĩa là loại động vật biết man, có nghĩa là biết cân đong đo đếm. Thí dụ mana là “ngã mạn”, là sự cân đong đo đếm hơn, bằng, thua.

Có nghiên cứu cho rằng manusa có cùng một gốc từ căn man, cân đong đo đếm. Và tôi cũng ngờ rằng đây là gốc chung của tiếng Đức, tiếng Scottish English, tiếng Hà Lan và Bắc Âu.

Con người là động vật cao cấp, phải có khả năng mà động vật cấp thấp không có, đó là khả năng cân đong đo đếm. Khả năng phân biệt, biết cái gì nên và không nên, biết cái gì là thiện ác, tốt xấu. Thì một đời sống như vậy mới có cơ hội đi lên.

Nói chung chuyện này rất khoa học. Nhiều người nhầm, họ tưởng Phật giáo là kêu gọi phải tin thiên đường địa ngục, tái sanh. Thầy chùa hù dọa người có tóc để cúng dường, cung đốn, phục vụ. Họ nói thì ok, họ có quyền nói, nhưng tôi chỉ xin nói nhỏ là: có hay không có chuyện luân hồi quả báo thì chuyện đó để trời biết. Nhưng nếu có thì ai chịu trách nhiệm? Đó là chuyện thứ nhứt.

Thứ hai, chuyện rất khoa học là con người anh như thế nào thì nếu có chuyện tái sanh, anh sẽ đi về chỗ tương ứng đó. Loài nào mọc được dưới nước thì nó sẽ phát triển dưới nước. Loài nào mọc được trên cát thì nó sẽ sống được trên cát. Trên đá, trên gỗ, trên đất, bùn sinh, trên mặt nước, dưới mặt nước cũng vậy, tùy loài. Môi trường nào sẽ thích hợp với chủng loại sinh vật, động vật, thực vật, cho môi trường ấy.

Ở đây cũng vậy. Nếu có chuyện luân hồi quả báo, tái sanh thì ai chịu trách nhiệm? Thứ hai, lý thuyết Phật giáo rất là khoa học. Thứ ba là người sống lành luôn luôn được an lạc hiện tiền, chuyện rõ ràng như vậy thôi. Điều thứ tư, trong một nền tảng

giáo dục, nền tảng tâm thức tốt thì người ta sẽ chọn đời sống thiện. Nói hơi nặng là người có giáo dục, có hàm dưỡng thì cái thiện vẫn là lựa chọn duy nhất.

Cho nên ta sống như thế nào thì ta sẽ đi về nơi chốn tương ứng. Ngài Xá Lợi Phất nói: hình thức cạo đầu đắp y, sống trong tăng viện, khép mình vào đời tu, chưa chắc có một cái chết tốt. Mà anh phải có sự hàm dưỡng nhất định. Đời sống tâm tư của anh mới thật sự là con người của anh. Chính con người thật sự của anh nó mới đưa anh về một chỗ tương ứng với nó.

Xong bài Kinh.

Bài Kinh 15: Không hối hận

Nội dung bài Kinh này cũng y chang bài Kinh 14.

Đời sống không hối hận có nghĩa là nhiều khi cả đời mình cứ cảm đầu lo những chuyện mà tự...

Mình dán nhãn hiệu “Phật sự, hoằng dương, lợi lạc chúng sinh, vị tha, độ tha, độ chúng”. Dán cho một đồng nhãn hiệu, nhưng tới lúc cận tử lâm chung mới bừng con mắt thấy mình tay không. Một đời sống toàn danh nghĩa. Mà danh nghĩa có từ đồng nghĩa là “nhãn hiệu”.

Các vị nhớ dùm cái này: tất cả bảng hiệu đều là biểu hiện. Mà tất cả biểu hiện nó chỉ là bảng hiệu. Hiểu theo tinh thần Phật pháp thì tất cả thiên đường đều là tang điền. Mà tang điền, ai biết văn hóa Tàu đều biết câu “Thương hải hóa vi tang điền” — biển xanh biến thành ruộng dâu — đó là chuyện đương nhiên của trời đất. Nó là từ tiếng Việt, mà “tang hải” là từ gọn của tiếng Hán, nó đi ra từ thành ngữ “Thương hải hóa vi tang điền”.

Nói theo kiểu Trần Tế Xương:

“Sông xưa rày đã nên đồng,
Chỗ thành nhà cửa, chỗ trồng ngô khoai.
Đêm nghe tiếng ếch bên tai,
Giật mình còn tưởng tiếng ai gọi dò.”

Hình ảnh đó rất là đẹp, nói về biển dâu đó quý vị. Tôi nói hơi lạc đề, thấy nó cũng hơi cần thiết. Thì biển hiệu nào cũng chỉ là biểu hiện, và thiên đường nào cũng chỉ là tang điền, là vậy đó.

Ở đây, đời sống không hối hận là khi cả đời mình dốc sức, bôn ba, vùi đầu gục mặt trong những nhãn hiệu hoằng pháp, đạo tràng, xây dựng Tam Bảo, lợi tha, độ chúng, bla bla bla... tới hồi nằm cận tử ngáp ngáp mới biết rằng trong đầu mình còn biết bao nhiêu điều hoang mang, nghi hoặc về Giáo pháp. Có biết bao nhiêu lỗ hổng trong chuyện học và tu mà mình chưa lấp đầy được trong chừng ấy tháng năm. Lúc bấy giờ hối hận thì nó đã muộn lắm rồi.

Đây là một trong những lý do mà vì đâu chúng ta phải có một nơi chốn để về bên Miến Điện. Tôi mong có một ngày mà tôi gặp tại đó tất cả vị trụ trì. Các vị buông hết. Tôi để một cái giỏ, cái rổ ở cổng ra vào chỗ văn phòng, office. Tất cả phone vào trong đó, giao cho văn phòng. Vào trong đó mình thành một con người mới.

Thử đi quý vị, bao nhiêu giám đốc, bao nhiêu trưởng phòng, thủ quỹ, thư ký, bao nhiêu chức danh, nhãn hiệu, bao nhiêu thân phận đều phải bỏ hết ở ngay cổng vào. Vào trong đó nhận phòng rồi thì coi như là mình không còn gì hết.

Sung sướng thay cho kẻ biết trút bỏ thân phận để sống thành kẻ sống còn tuổi chớ không có tên. Cái ngày đó đẹp lắm, ngày mình chỉ còn tuổi mà không có tên, thay vì trước đây mình thêm là một người có tên có tuổi, có mặt có mũi. Còn hôm nay thì có mặt mũi nhưng không cần đến mặt mũi. Không biết quý vị có hiểu tiếng Việt tôi nói không? Chúng ta ngày nay cũng còn thân còn phận nhưng không còn màng đến thân

phận nữa. Ngày xưa chúng ta muốn có tên có tuổi, nhưng bây giờ còn tuổi chớ chẳng màng đến cái tên.

Đó là cái ngày tôi mong gặp được bà con ở đó, trong tinh thần, lý tưởng đó. Quên hết. Quên được một tháng là mình làm người được một tháng, được làm thánh một tháng, sống lành một tháng, sống thiện, sống thiện một tháng. Tới giờ xuống là ăn. Ăn xong, một là tự rửa, hai là giao nhà bếp, thanh thản đi về, đúng là gót hài gót mây đó, đi nhẹ nhàng không vướng bận. Phone phieć, email vụn hết, Facebook đã lùi dần vào dĩ vãng, đã là một quá khứ xấu.

Lúc đó lớp Kinh Tạng này đã đóng lại, mình không còn giảng nữa. Mà mình phải đạt tới mức coi như mà vào thiền viện, trong đó có mấy cái giỏ, mấy cái thùng có cái lỗ vừa đủ để thò ngón tay vô. Mình thò vô, mình rút được cái tờ mà tôi cho là tinh hoa của Tam tạng, của kinh điển mình học, mình giảng mấy năm nay. Tôi sẽ lựa mấy câu tinh hoa, tôi viết vô mấy thẻ tre, tôi liệng trong đó. Thay vì vào chùa xin xăm tào lao thì mình xin xăm Pháp.

Mỗi ngày buồn buồn đi ngang thò tay vô rút một tấm coi trong đó nói gì, mỉm cười hội ý, nhét trở vào và đi. Thích như vậy! Buồn buồn, thay vì con nít nó đi ngang, nó ngó dáo dác thò tay nhón một viên kẹo, thì đằng này mình không cần dáo dác mà thò tay vô rút cái thẻ ra coi trong đó nói cái gì.

Các vị biết mấy tiệm Tàu bên Mỹ nó có một loại bánh kêu là lucky cake, tức là mình ăn xong nó phát cho mỗi người cái bánh giòn giòn. Mình bẻ ra, trong đó có tờ giấy, trong đó ghi một câu danh ngôn, thú vị lắm quý vị. Đâu có ăn nhậu mập béo gì nhưng nó vui lắm quý vị. Nhiều người tôi đi chung họ không ăn bánh đó đâu. Tôi cũng đâu có ăn, mà tôi bẻ coi có gì trong đó. Rồi cả đám so nhau coi cái câu của tôi, câu của you, câu nào hay, câu nào mắc cười, câu nào ý nghĩa hơn. Rất là hay.

Tôi mong có một ngày mình sẽ có một kiểu sống như vậy đó quý vị, nghe! Ok, bây giờ mình qua kinh khác, kinh Nakula.

Kinh Nakula

Cái kinh này hay vô cùng tận. Ai trong room này mà đến giờ này có đủ đôi đủ cặp, có vợ có chồng, có bạn trai bạn gái, thấy mình còn có người bên cạnh để sẻ chia, trao đổi, trao trút, thì nên coi bài kinh này như là Thánh Kinh.

Thánh Kinh là sao? Là trong những hàng cư sĩ hàng đầu của Đức Phật, có ông Nakulapita. Ông có người con tên Nakula, nên người ta kêu ông là Nakulapita, là “cha của Nakula”. Bà vợ ông tên là Nakulamata, có nghĩa là “mẹ của Nakula”. Giống như mình nói má thằng Tí, ba của thằng Tèo vậy đó.

Đây là cặp vợ chồng Đức Phật tuyên dương là ba đời chư Phật đều có một cặp đệ tử giống như vậy. Giống ở chỗ nào? Là đệ nhất thủy chung. “Vissasa” là “thân ái, thân tình” mà nó cũng có nghĩa “thủy chung”.

Đệ nhất thủy chung là sao? Có nghĩa là hiếm có cặp nào mà suốt nhiều trăm năm, nhiều trăm kiếp, nhiều ngàn kiếp đi san sát, san sát bên nhau như vậy. Cạnh nhau tay không rời tay, tim không khác nhịp đập, lòng không ngừng nghĩ về nhau, và chưa từng ngoại tình ngay cả trong tư tưởng. Không phải dễ kiếm! Làm gì có cặp luôn luôn đời đời kiếp kiếp, trong nhiều trăm kiếp, nhiều ngàn kiếp tay trong tay, tim cùng nhịp đập, đầu cùng suy nghĩ, luôn nghĩ về nhau mà chưa từng ngoại tình cả trong tư tưởng. Thì họ được tuyên dương là Đệ nhất chung tình.

Dĩ nhiên trong room này có người nói: “Ừa, Đạo Phật là đạo giải thoát, đạo xả ly, buông bỏ mà có vụ đệ nhất này là sao?”. Xin thưa, chữ “chung tình” có hai nghĩa, tôi giảng rồi. Một là lòng gắn bó khăng khít với tình cảm nam nữ, với một người thôi, gọi là chung tình. Nhưng chữ chung tình hiểu theo nghĩa tích cực, nghĩa Phật giáo là không có ăn tạp. Nghĩa là một trong hai người có chết trước thì người còn lại ở vậy suốt đời luôn, chỉ lo dồn sức tu. Khen là khen chỗ đó. Nếu chúng ta đơn giản trong ăn, mặc, yêu, ở thì khỏe lắm, đấng này bà xã/

ông xã còn sờ sờ mà trong mơ chúng ta đã ngoại tình trong tư tưởng. Chúng ta đang ăn món này mà nghĩ tới món khác. Ở cái nhà này mà đầu còn nghĩ tới nhà khác. Đang xài cái xe này mà nghĩ tới xe khác. Chúng ta khổ là khổ chỗ đó. Chúng ta mất rất nhiều thời gian cho cái đó: cái trước mặt, cái đã qua, cái sắp tới.

Đằng này, ở đây chữ “chung tình” có nghĩa là tên này nó gọn lắm. Nó ăn có một thứ một hà. Cặp này được xem là đệ nhất chung tình, được Ngài tán thán. Chữ chung tình hiểu theo nghĩa là cặp này không có rồi, không có đa dục, không đa tình. Khen là khen chỗ đó, chứ không phải khen chỗ ghim sâu cắm chặt, vùi đầu úp mặt.

Rồi, bây giờ ông chồng này bị trọng bệnh. Cả hai người đều là thánh, thánh A-na-hàm. Dĩ nhiên họ có con trước khi đắc thánh. Chớ A-na-hàm làm gì có chuyện nam nữ, vì A-na-hàm không còn dục ái, không còn nhu cầu tình cảm nam nữ, mà lúc đó chỉ còn là tình bạn thôi. Thêm nữa, họ nhiều đời gắn bó với nhau, coi nhau như một.

Thì ông này bị trọng bệnh, cận tử. Theo bản chánh kinh, tiếng Việt Hòa thượng Minh Châu dịch, thấy chồng sắp mất, vợ trấn an, an ủi để người ra đi được thanh thản. Nhưng trong Chú giải thì cho chúng ta biết thêm một chi tiết rất đặc biệt. Đó là chỗ thú vị ở bài kinh mà hồi nãy tôi nói.

Nguyên bài kinh này có những nội dung rất quan trọng.

Thứ nhất là tuyên dương, nêu rõ nội dung tu chứng của một người đệ tử Phật. Người tu Phật phải làm sao, quý vị đọc từ trên xuống đi. Ông đừng nghĩ là ông chết rồi tôi sẽ thiếu trách nhiệm với gia đình. Ông đừng nghĩ ông chết rồi tôi sẽ có người khác. Ông đừng nghĩ ông chết rồi tôi không có khả năng tự sống, tôi sẽ lìa xa Tam bảo, bla bla bla...

Nội dung thứ hai, bài này không chỉ đơn giản là an ủi một người sắp ra đi, mà nó là một bài kinh cầu an, theo Chú giải. Cầu an có hai cách, theo Phật giáo Nam truyền.

Cách một, dùng tín tâm của mình để suy tưởng một đối tượng cụ thể hay là trừu tượng nào đó. Rồi dùng sức mạnh gia trì này hướng tới kẻ đang được cầu an. Thí dụ mình niệm ân đức Tam Bảo, niệm thí, niệm giới, niệm tưởng công đức tu hành bố thí.

Cách cầu an thứ hai, tôi e là đa phần Phật tử Việt Nam không biết. Đây là cách bà vợ xài trong trường hợp này, đó là phát nguyện chân ngôn.

Phát nguyện chân ngôn là nói ra một sự thật mà mình tin chắc tuyệt đối 100%. Thí dụ mình nói:

“Con một lòng tin Phật. Con tin chắc Thế Tôn là người có thật ở đời. Ngài đã thật sự chấm dứt phiền não. Ngài đã để lại một giáo pháp có công năng chấm dứt phiền não, chấm dứt sanh tử, cứu chúng sanh. Con tin tưởng nơi Ngài, nơi Giáo pháp và chư Tăng một cách triệt để, một cách tuyệt đối. Nếu lời tuyên bố này là sự thật thì xin cho sức mạnh của sự thật đó sẽ giúp cho má con được giảm bệnh, ba con được bớt đau đớn. Xin cho tai nạn này sớm qua đi”.

Mình phải phát nguyện điều gì đó mình tin là có thật, mà nó phải có ý nghĩa tâm linh, tinh thần. Chớ nói: “Con tin chắc con có mười ngón tay, mười ngón chân. Con mong rằng với sự thật này má con hết bệnh” thì nó cũng là sự thật, nhưng không có giá trị tâm linh, mà chỉ là sự thật tào lao, không có ý nghĩa tinh thần. Trong room có hiểu không?

Phát nguyện chân ngôn là vậy. Hoặc phát nguyện thế này:

“Con không giữ tròn 5 giới. Nhưng riêng giới trộm cắp và giới uống rượu thì trong 40 năm qua con chưa từng vi phạm. Xin với sự thật này, xin cho má con, ba con, bà xã con, thẳng nhóc của con được ok”.

Mà mình phải dốc lòng mình tin thì lúc đó lòng tin mình mới mãnh liệt. Có nhiều người nghĩ phải nghĩ đến cái gì đó ghê gớm như Tam Bảo thì mới có đức tin cuộn

cuộn. Nhưng có những người, Tam Bảo là cái gì đó xa vời, mà phải nên nghĩ đến cái gì đó cụ thể ở chính họ. Nhe!

Cho nên đây là lý do vì đâu có hai cách cầu an. Cách một là nghĩ đến đối tượng nào đó ngoại tại, bên ngoài mình, một đối tượng trừu tượng hoặc điển hình nhưng bên ngoài mình. Cách hai là vận dụng sức mạnh ngay trong bản thân mình. Bởi vì có nhiều người cái đối tượng bên ngoài họ không đủ áp phê, nhưng với họ thì họ tin cuồn cuộn, mãnh liệt. Họ biết chắc rằng 40 năm làm cư sĩ đúng là họ chưa từng cố ý làm chuyện đó.

Các vị không biết, sự thật ở chính sức mạnh nội tại bản thân mình có sức mạnh rất lớn. Trong quốc huy Ấn Độ, hoặc trong lá cờ, trong con tem, đồng tiền Ấn Độ thường có câu: “Satyameva jayate”, sự thật trên hết, chân lý chiến thắng tất cả. “Eva”: duy chỉ, có sự thật.

Ý nghĩa bài kinh này tuyên dương, tuyên xưng nội dung tu hành. Thứ hai, tuyên dương nội dung lời cầu an phát nguyện chân ngôn. Sự thật gì? Bây giờ mình quay lại chánh kinh. Tôi giảng theo Chú giải.

Sự thật thứ nhất: ông ra đi đừng luyến lưu gì hết. Ông hãy yên tâm, tôi có thể lo lắng cho gia đình.

Thứ hai, tôi sẽ không có ai hết. 16 năm qua ông biết tôi mà.

Thứ ba, ông nghĩ rằng tôi sẽ lìa bỏ Tam Bảo. Không! Trời sập chứ tôi không bỏ được Tam Bảo.

Thứ tư, ông nghi ngờ ông mất rồi tôi không còn đức hạnh gì nữa? Sai! Tôi vẫn như thuở nào thôi, vẫn là “con đường xưa tôi đi”.

Ông nghi ngờ ông đi rồi tôi sẽ không tu tập thiền định? Không! Tôi tiếp tục tu tập thiền định.

Ông nghi ngờ khi ông đi rồi không biết tôi có phải là người cư sĩ tín tâm bất thối, bất động nơi Tam Bảo hay không? Tín tâm bất thối: hoàn toàn vững tin Tam Bảo, không còn hoang mang nghi hoặc. Ông yên tâm, tôi sẽ không có bị thối đọa, bị suy giảm niềm tin nơi Tam Bảo.

Thì bà nói xong tất cả 6 điều này thì ông chồng lập tức hết bệnh. Khi ông hết bệnh rồi, ông vào thưa với Đức Phật. Đức Phật dạy rằng ông rất may mắn khi ông có được người vợ như vậy. Và Ngài xác định cho ông chồng rằng:

“Nakulapita phải biết, những điều mà vợ của ông nói hoàn toàn đúng sự thật như vậy. Và chính vì đó là những sự thật cho nên vợ ông đã thực hiện thành tựu viên mãn cái lời chân ngôn của mình”.

Mình đọc vô mình tưởng bà an ủi, chứ không phải, bà đang nói ra những sự thật. Mà những sự thật này có hai nội dung.

Một là xác chứng lời dạy, nội dung tu hành, tu chứng.

Thứ hai, trong lúc nói như vậy bà có một tác ý, một chủ ý là: “Tôi đang nói sự thật. Với sức mạnh sự thật này, chồng tôi sẽ được khỏe mạnh nếu không phải bị đoạn nghiệp thì chồng tôi sẽ ok”.

Quả thật, với sức mạnh gia trì của một vị thánh nhân cư sĩ, cộng với bản thân ông này không phải là người kém cạnh gì bà vợ,

Thì hai nguồn lực này cộng với chuyện thứ ba là không phải lúc ông bị đoạn nghiệp, chướng nghiệp, trọng nghiệp quá khứ; nói chung sức mạnh gia trì từ người trao, từ người nhận, cộng với chuyện không do trọng nghiệp tác động thì ba cái này mới khiến cho buổi cầu an ấy được thành tựu viên mãn.

Buổi cầu an, buổi chú nguyện cho bất cứ ai chỉ được thành tựu với ba điều kiện: một là sức gia trì của người trao. Thứ hai là đức hạnh của người nhận. Thứ ba là không có sự can thiệp của trọng nghiệp quá khứ.

Bài Kinh này đọc phớt qua tưởng chỉ là lời trấn an, an ủi của một bà vợ dành cho ông chồng cận tử. Ông chồng sau đó may mắn hết bệnh rồi đi hầu Phật. Hết! Nhưng mà không! Đọc Kinh như vậy thì nghèo quá. Nội dung bài Kinh này gồm nhiều vấn đề như này giờ tôi trình bày: một là nói đến hành trì tu chứng của một người đệ tử Phật. Thứ hai, bài Kinh còn có giá trị, có tác dụng, ý nghĩa, hiệu quả của một bài cầu an.

Cầu an và chơn ngôn

Mà cầu an có hai cách: một là dùng tín tâm của mình suy tưởng, suy niệm đến một đối tượng ngoại tại. Thứ hai là vận dụng một sự thật tự thân mình phát nguyện chơn ngôn.

Sẵn đây kể bà con nghe một chuyện hơi phong thần, bà con hoàn toàn có thể không tin, nhưng riêng tôi thì rất tâm đắc câu chuyện này, không phải vì tôi thích chuyện huyền hoặc, mà tôi tin rằng trên đời này nếu mình sống chí tâm, chí tình, chí thành thì như Trung Hoa có câu: “Chí thành tất thông linh”. Có nghĩa là khi mình dốc sức, dốc lòng tập trung thì thông linh ngay, nó cảm được bề trên xa thăm vời vời nào đó. “Thông linh” là thông suốt, là chạm vào, xông tới, thông tới cõi tâm linh cao vời.

Chuyện vua A Dục và cô gái bên bờ sông

Kinh kể có một lần vua A Dục (Asoka) đi với một đám lính rất đông ngang một bờ sông. Cả đoàn ngừng lại nghỉ ngơi. Ông thấy nước sông đang chảy cuộn cuộn băng băng, ông nói với đám lính hầu: “Con sông chảy như vậy đâu có lực nào mà cản được nó ta?”

Ông mới vừa nói xong thì ông thấy tự nhiên nước nó đảo chiều, dòng chảy đảo chiều. Ông thấy một chuyện rất lạ là nước đang phẳng phẳng vậy, bọt nước tung tóe, rồi như có một lực cản nào mà dòng nước chảy ngược trở lại. Nó cũng phẳng phẳng như vậy. Ông lấy tay dụi mắt, nói cái này là chiêm bao hay là ma nó phá, chứ không thể nào có chuyện quái đản thế này. Cả nguyên đám lính cũng thấy rõ ràng như vậy.

Ông vua mới nói với đám lính chắc chắn phía trên này có mấy vị tu hành đắc Đạo, cao nhân ẩn mình. Ông kêu lính đi tìm. Mà hồi đó đâu có drone hay có trực thăng như bây giờ. Nó chạy đi một hồi về nói:

“Dạ không thấy ai tu hành hết. Chỉ thấy một con nhỏ này, râu bệ hạ, thấy nó rồi hỏi chuyện nó rồi, chúng thần cũng ngại không dám bắt nó về, sợ làm bẩn mắt Ngài.”

Ông hỏi:

“Làm gì bẩn mắt ta?”

Nó đáp:

“Dạ cô này cũng có thân phận bầy hầy bê bối vì cổ là gái điếm.”

Ông vua mới hỏi cô gái:

“Nãy giờ người ngồi ở đâu?”

“Dạ, tiện dân ngồi bên bờ sông này nhìn nước chảy.”

Ông vua hỏi:

“Nàng có thấy nước chảy băng băng, băng băng không?”

Cổ nói thấy, và cái chuyện nước chảy ngược là do cổ làm. Ông vua hỏi phận nữ nhi tay yếu chân mềm, nàng làm bằng cách nào. Thì cổ nói:

“Lúc nhìn dòng nước tiện dân cũng thấy sợ lắm. Tiện dân mới nghĩ, nó chảy nhanh như vậy đâu có lực nào cản được nó, nói chi là làm cho nó chảy ngược dòng. Nhưng ta có nghe mấy ông thầy tu nói mình có thể ‘chí thành tất thông linh’, thì thôi mình thử đi.”

Kinh nói cái cô này cũng là người có phước lành nhiều đời, chẳng qua do sa cơ nghiệp xấu nhất thời mang thân gái hèn mọn mua vui thiên hạ, chớ cổ cũng là người

nội công thâm hậu. Cổ nói lúc đó cổ chú nguyện:

“Tôi một đời mua vui cho thiên hạ, thiên hạ lấy tôi để giải tỏa bức xúc bản thân. Tôi sống bằng sự lương thiện khó tin của tôi. Tôi chỉ lấy tiền sông phẳng của đàn ông mà không lừa đảo ai hết. Đây là lời chân thật của tôi. Nếu tôi nói dối thì thôi. Nếu tôi nói thiệt thì xin cho sức mạnh của sự chân thành ấy khiến cho dòng sông này chảy ngược, để tôi xác chứng một điều là lời của các vị tu hành ấy là thật.”

Thì nàng vừa khẩn xong, tôi nói mà tôi nổi ốc luôn quý vị. Nàng vừa khẩn xong thì dòng sông nước nó dựng lên như tôi vừa kể. Nó dựng nước tung bọt trắng xóa và nó đảo dòng chảy ngược.

Ngẫu nhiên lúc đó vua A Dục cũng là người ngồi bên bờ sông, cũng quan sát dòng chảy kinh khủng ấy, cũng có một suy nghĩ là không ai có thể đảo ngược dòng chảy ấy. Và phía trên vua một tí là người con gái làm nghề bán phấn buôn hương mà không ngờ là nàng tận dụng được câu nói “chí thành tất thông linh”, và nàng đã làm được chuyện đó.

Dùng sự thật để phát nguyện

Chuyện này có thể các vị không tin, nhưng tôi xin nói nhỏ vào tai những người có tí niềm tin: trong những trường hợp khẩn cấp hãy dùng cái này như tôi đã từng dùng. Trong những lúc ngặt nghèo quá tôi phải xài cái này. Tôi khẩn thí dụ như:

“Con đấp y này, con đấp y nhưng phiền não con đầy dẫy. Nhưng con đấp lá y này tính ngay thời điểm này mục đích của con là cầu giải thoát. Nếu con sai trái coi như không có gì hết, con không được gì. Nhưng nếu đúng nó là sự thật xin cho tai nạn này qua đi. Hoặc xin cho ý nguyện của con được thành tựu.”

Mình phải có niềm tin sắt son như vậy, quý vị, nghe! Mình phải lựa cái gì mình tin mới được.

Chuyện tiền thân Bồ tát

Như trong Kinh kể có vụ này động trời. Bồ tát Thích Ca Mâu Ni có một kiếp đó Ngài sanh ra trong một gia đình nghèo khó lắm. Ngài thấy hình như làm thầy tu dễ sống, khỏi động tay động chân, khỏi đổ mồ hôi xót con mắt, cho nên tự Ngài tìm mấy cái áo rằn ri da cạp rồi đeo chuỗi mấy cái sọ chim, mấy cái hồ lô làm cho một chùm lùm cùm vậy đó. Rồi Ngài ngồi ở chỗ nào khuất khuất mà có người ta đi qua đi lại. Suốt 55 năm trời Ngài sống cái kiểu như vậy. Có nghĩa là cứ ngồi lừa đảo đó. Mà Ngài lúc đó đã là Bồ tát, đã được thọ ký rồi.

Nhưng mà dòng luân hồi chó heo còn làm được, nói gì làm con người lừa đảo? Trong Kinh nói có kiếp đó Ngài làm một anh chàng đệ nhất sở khanh. Ăn rồi là lừa tình, lừa tiền của phụ nữ, làm tan nát bao nhiêu trái tim phụ nữ. Có lúc Ngài làm tay võ sĩ đâm đá người ta học máu mồm. Có kiếp Ngài làm thầy tu giả mạo.

Mà đọc cái đó không phải để mình khinh, mình coi thường Ngài, mà để nể Ngài là khi Ngài quỳ dưới chân Đức Phật Nhiên Đăng là Ngài đã biết rồi. Phật Nhiên Đăng đã nói là người sẽ trải qua bốn a-tăng-kỳ và 100.000 đại kiếp nữa sẽ thành vị Chánh đẳng Chánh giác, có hồng danh là Gotama.

Cũng gọi là Thích Ca Mâu Ni, giống như ta bây giờ cũng có 32 tướng tốt, 80 tướng phụ. Cũng có 6 Như Lai biệt trí, 18 Bất cộng pháp, y như Như Lai và chư Phật ba đời mười phương.

Thì ngay lúc Ngài nghe tuyên bố như vậy là Ngài hiểu ngay một chuyện: là rồi đây, kể từ hôm nay, con đường về địa ngục của ta đang rộng mở. Ngài biết rõ.

Trong Chú giải có nói rõ chỗ đó: Bồ tát được thọ ký là không được sợ địa ngục. Không phải không sợ có nghĩa là làm vậy, nhưng biết rằng đường dài thì khó mà tránh chuyện sa cơ. “Hùm thiêng khi đã sa cơ cũng hèn” là chỗ đó. Đường dài quá mà. Đường dài làm sao tránh đạp gai, tránh đạp phân, tránh bị trúng gió, bị bụi bặm, nắng gió mưa sương, khó lắm!

Nên trong Chú giải nói rất rõ là khi được thọ ký là Bồ tát phải sẵn lòng dẫn thân vào các tầng địa ngục. Thì ngay lúc quỳ dưới chân Đức Phật Nhiên Đăng nghe thọ ký như vậy, Ngài có cảm giác là ngày mai Ngài thành, nhưng mà lập tức Ngài hiểu ra hai chuyện. Đó là những chuyện gì mình phải làm và những chông gai nào mình phải đối mặt. Đọc cái đó mới thương Ngài.

Bây giờ quý vị đi chùa, đứng trước Đức Phật quý vị không nên đi, chỉ có lết thôi. Lết xuống mà hôn chân tượng Phật ba ngày ba đêm còn chưa đủ hết cái ân tình của Ngài để lại cho mình. Ngài biết mà Ngài vẫn đi mới thương. Chớ ngay lúc Ngài quỳ đó, chỉ cần Ngài chuyển nguyện là giác ngộ ngay lúc này, là Ngài đắc Lục thông Tam minh và bốn trí vô ngại, cách đây bốn a tăng kỳ và 100.000 đại kiếp. Ấy vậy mà vì chúng ta mà Ngài lê la, lê la trong cõi luân hồi, trải qua bao nhiêu kiếp sống, lúc thì làm bầy, lúc thì chịu quả khổ.

Chẳng hạn cái kiếp mà tôi sắp kể, Ngài làm tà sư ngoại đạo 55 năm trời, lừa đời dối thế mà sống như vậy. Và Ngài có hai vợ chồng cặp đệ tử thương quý vô cùng. Thỉnh thoảng hai vợ chồng tới thăm viếng Ngài.

Bữa đó hai vợ chồng dắt đứa con tới hầu chuyện, thì đứa con chạy lăng xăng, lăng xăng sao bị rấn cắn. Thì lúc hai vợ chồng nghe nó la lên, nhức đau quá, bỗng nó lên thì nó tím tái rồi, mắt đứng tròng, người nó đơ rồi. Hai vợ chồng tin Ngài lắm, đâu biết Ngài tào lao. Hai vợ chồng bỗng đứa con quỳ trước mặt:

“Xin sư phụ cứu con của đệ tử.”

Thì lúc đó trong Kinh nói Ngài giống như con voi mà bị sa lầy, mà khi nghe tiếng trống trận thì con voi bèn bật dậy, các vị hiểu không? Đọc cái đó mới thấy đã, mới thấy quý Phật, thương Phật.

Thì Kinh nói lúc đó Ngài giống như con voi nằm ngủ quên trong đồng lầy, mà khi nó nghe tiếng trống trận nó bật dậy. Với sức mạnh của một con voi không còn ngủ quên,

bật dậy, thì Ngài cũng vậy. Khi Ngài nhìn thấy hai vợ chồng bỗng xác đứa con quỳ trước mặt Ngài:

“Xin sư phụ cứu con của đệ tử.”

Thì Ngài mới nghĩ liền: “Trách nhiệm của ta là đại bi. Bây giờ ta cứu được gì đây? Ta tu hành tào lao bí đao thế này ta cứu cứu cái gì?”

Thì với huệ căn cố hữu của một vị Bồ tát đại bi, Ngài nhớ ra một chuyện. Ngài bỗng đưa bé trên tay, Ngài khẩn thế này. Ngài khẩn mà quý vị không nín cười được. Ngài khẩn mà mình cười ứa lệ đó! Ngài khẩn:

“55 năm qua ta sống lừa đời dối thế. Ta biết rất rõ là mình tào lao. Chẳng là ta không có cách nào khác để lựa chọn, mà ta biết rất rõ là ta lừa đời dối thế. Đó là một sự thật. Mong với sự thật này, đứa bé nếu mà bốn mạng nó còn được trên đời thì xin cho nó được hồi sinh.”

Ngài khẩn xong, coi như nọc tan, đứa bé cựa mình, xuất hạp, nôn mửa, bật khóc. Hai vợ chồng xoa bóp nó, rồi Ngài hái cho một ít thuốc Nam cho nó nhai và đắp chỗ rặn cần. Rồi đứa bé bình an vô sự, sống đến trăm tuổi.

Các vị thấy không? Còn mình thì sao? Mình hèn lắm! Một khi mình đã tồi rồi, mình không dám nhận, quý vị biết không? Cho nên cả đời mình không biết chân ngôn là cái gì hết, nghe.

Ok, tôi mệt lắm rồi. Bây giờ hẹn lại ngày mai.

Chúc các vị một ngày vui.